

Số: 1123/QĐ-UBND

Nhuận Phú Tân, ngày 20 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã Nhuận Phú Tân 3 tháng đầu năm 2026**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NHUẬN PHÚ TÂN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho từng cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Nhuận Phú Tân về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Nhuận Phú Tân về phân bổ ngân sách địa phương năm 2026.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 282/TTr-PKT ngày 20 tháng 4 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã Nhuận Phú Tân 3 tháng đầu năm 2026 (Kèm theo các phụ lục công khai).

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng phòng Kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Sở Tài chính;
- TT Đảng ủy xã;
- UBMTTQVN xã;
- TT HĐND, TT UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Các trưởng ấp trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Vũ**

UBND XÃ NHUẬN PHÚ TÂN



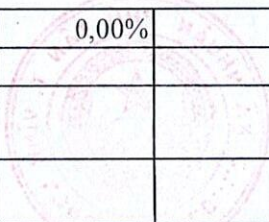
## TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1123 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện		Thực hiện 3 tháng đầu năm 2026 so (%)	
			3 tháng đầu năm 2026	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>13.410.000.000</b>	<b>10.027.061.834</b>	<b>10.027.061.834</b>	<b>74,77%</b>	
I	Thu nội địa	13.410.000.000	10.027.061.834	10.027.061.834	74,77%	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
<b>B</b>	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>140.103.000.000</b>	<b>83.983.109.791</b>	<b>83.983.109.791</b>	<b>59,94%</b>	
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>13.160.000.000</b>	<b>6.274.527.328</b>	<b>6.274.527.328</b>	<b>47,68%</b>	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	1.990.000.000	267.198.910	267.198.910	13,43%	
2	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	11.170.000.000	6.007.328.418	6.007.328.418	53,78%	
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>126.943.000.000</b>	<b>59.582.224.000</b>	<b>59.582.224.000</b>	<b>46,94%</b>	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	110.333.000.000	27.583.256.000	27.583.256.000	25,00%	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	16.610.000.000	31.998.968.000	31.998.968.000	192,65%	
<b>III</b>	<b>Thu từ quỹ dự trữ tài chính</b>					
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư</b>					
<b>V</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>18.126.358.463</b>	<b>18.126.358.463</b>		
<b>C</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>140.103.000.000</b>	<b>32.741.076.572</b>	<b>32.741.076.572</b>	<b>23,37%</b>	
<b>I</b>	<b>Chi cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>140.103.000.000</b>	<b>32.741.076.572</b>	<b>32.741.076.572</b>	<b>23,37%</b>	
1	Chi đầu tư phát triển	3.000.000.000			0,00%	
2	Chi thường xuyên	134.633.000.000	32.741.076.572	32.741.076.572	24,32%	
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					

7	Dự phòng NSNN	2.470.000.000			0,00%	
8	Các nhiệm vụ chi khác					
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>					
<b>III</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>					





STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện		Thực hiện 3 tháng đầu năm 2026 so (%)	
			3 tháng đầu năm 2026	Lũy kế	Dự toán năm 2026	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>13.410.000.000</b>	<b>10.027.061.834</b>	<b>10.027.061.834</b>	<b>74,77%</b>	
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>13.410.000.000</b>	<b>10.027.061.834</b>	<b>10.027.061.834</b>	<b>74,77%</b>	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	100.000.000	17.249.775	17.249.775	17,25%	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN		1.111.591.128	1.111.591.128		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	10.340.000.000	5.464.865.177	5.464.865.177	52,85%	
4	Thuế thu nhập cá nhân	830.000.000	1.137.478.756	1.137.478.756	137,05%	
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí	1.010.000.000	1.156.132.391	1.156.132.391	114,47%	
	<i>Trở: Lệ phí trước bạ</i>	500.000.000	1.027.536.391	1.027.536.391	205,51%	
7	Các khoản thu về nhà, đất	130.000.000	1.076.566.152	1.076.566.152	828,13%	
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>			0		
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	130.000.000	625.752	625.752	0,48%	
-	<i>Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>			0		
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>		1.075.940.400	1.075.940.400		
-	<i>Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN</i>					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
-	<i>Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế</i>					
-	<i>Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước</i>					
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					
14	Thu khác ngân sách	1.000.000.000	63.178.455	63.178.455	6,32%	
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>					
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>					
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>					
<b>B</b>	<b>Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác</b>					
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
<b>C</b>	<b>THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>13.160.000.000</b>	<b>6.274.527.328</b>	<b>6.274.527.328</b>	<b>47,68%</b>	
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NS tỉnh và NS xã	1.990.000.000	6.007.328.418	6.007.328.418	301,88%	
2	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	11.170.000.000	267.198.910	267.198.910	2,39%	



**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NSNN 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện		Thực hiện 3 tháng đầu năm 2026 so (%)	
			3 tháng đầu năm 2026	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>140.103.000.000</b>	<b>32.741.076.572</b>	<b>32.741.076.572</b>	<b>23,37%</b>	
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>140.103.000.000</b>	<b>32.741.076.572</b>	<b>32.741.076.572</b>	<b>23,37%</b>	
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	3.000.000.000	0	0	0,00%	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
<b>II</b>	<b>Chi trả nợ lãi</b>					
<b>III</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>134.633.000.000</b>	<b>32.741.076.572</b>	<b>32.741.076.572</b>	<b>24,32%</b>	
	<i>Trong đó:</i>					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	78.268.000.000	16.638.489.483	16.638.489.483	21,26%	
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số					
<b>IV</b>	<b>Chi cho vay</b>					
<b>V</b>	<b>Chi viện trợ</b>					
<b>VI</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>					
<b>VII</b>	<b>Dự phòng ngân sách nhà nước</b>					
<b>VIII</b>	<b>Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế</b>	<b>2.470.000.000</b>			<b>0,00%</b>	
<b>IX</b>	<b>Các nhiệm vụ chi khác</b>					
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP</b>					
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					



UBND XÃ NHUẬN PHÚ TÂN

**TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH XÃ 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 123 /QĐ-UBND ngày 2 tháng 4 năm 2026  
của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự phòng ngân sách xã		
		Dự toán HĐND quyết định	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại
A	B	1	2	3=1-2
	<b>Tổng số</b>	<b>2.470.000.000</b>	<b>0</b>	<b>2.470.000.000</b>
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên			

UBND XÃ NHUẬN PHÚ TÂN

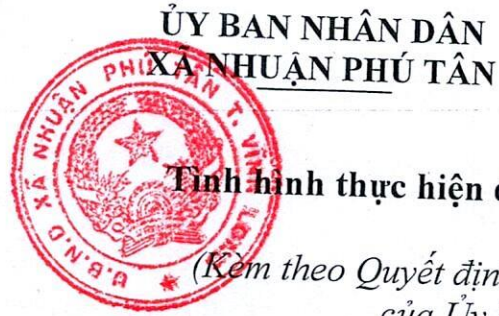


KẾT QUẢ PHÂN BỐ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI NĂM 2025  
CHUYỂN SANG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 30 tháng 4 năm 2026  
của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
A	B	1=2+3	2	3
	<b>Tổng số</b>	<b>10.592.083.470</b>	<b>6.503.673.851</b>	<b>4.088.409.619</b>
1	Giảm bội chi, tăng chi trả nợ			
2	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách	1.000.000.000	500.000.000	500.000.000,0
3	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương	5.306.871.603	4.718.461.984	588.409.619
4	Chi đầu tư một số dự án quan trọng	2.700.000.000	700.000.000	2.000.000.000
5	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội	1.585.211.867	585.211.867	1.000.000.000,0



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## THUYẾT MINH

**Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã Nhuận Phú Tân  
3 tháng đầu năm 2026**

*(Kèm theo Quyết định số 1123 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2026  
của Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân)*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho từng cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Nhuận Phú Tân về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Nhuận Phú Tân về phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã Nhuận Phú Tân 3 tháng đầu năm 2026, cụ thể như sau:

### I. KẾT QUẢ THU NGÂN SÁCH 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Tổng thu ngân sách xã 3 tháng đầu năm 2026: 83.983.109.791 đồng, đạt 59,94% so với dự toán được giao (140.103.000.000 đồng), gồm:

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: thực hiện 10.027.061.834 đồng, đạt 74,77% so dự toán được giao (13.410.000.000 đồng), trong đó: thu ngân sách xã được hưởng 6.274.527.328 đồng, đạt 47,68% so với dự toán được giao, cụ thể:

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là 5.461.157.447 đồng/10.340.000.000 đồng, đạt 52,82% so dự toán tỉnh và Hội đồng nhân dân xã quyết định. Nguồn thu này đạt khá cao so dự toán do một số doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã nộp thuế thuộc ngân sách xã được hưởng theo Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Bên cạnh đó, cơ quan Thuế triển khai đồng bộ các giải pháp thu

thuế; tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, từng bước tích hợp đưa hoạt động quản lý thuế lên môi trường số, cung cấp dịch vụ thuế dựa trên công nghệ số; mở rộng quản lý hóa đơn điện tử; vận hành tốt Cổng thông tin điện tử dành cho hộ kinh doanh đăng ký, kê khai, nộp thuế.

- Thu từ Thuế thu nhập cá nhân: 546.170.971 đồng/830.000.000 đồng, đạt 65,8% so dự toán tính và Hội đồng nhân dân xã quyết định. Nguồn thu này đạt khá cao so dự toán do những tháng đầu năm các đơn vị doanh nghiệp và cá nhân thuộc đối tượng chịu thuế thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định.

- Thu từ Lệ phí trước bạ: 145.258.651 đồng/500.000.000 đồng, đạt 29,05% so dự toán tính và Hội đồng nhân dân xã quyết định.

- Thu từ phí, lệ phí: 84.147.000 đồng/410.000.000 đồng, đạt 20,52% so dự toán tính và Hội đồng nhân dân xã quyết định. Nguồn thu này thu đạt thấp hơn so dự toán do thực tế phát sinh tại địa phương.

- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 582.552 đồng/130.000.000 đồng, đạt 0,45% so dự toán tính và Hội đồng nhân dân xã quyết định. Nguồn thu này thu đạt rất thấp so dự toán do cơ quan thuế đang phối hợp với Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện phương thức nộp tiền trong nhân dân và chưa thực hiện nộp ngân sách.

- Thu khác ngân sách: 37.210.707 đồng/950.000.000 đồng, đạt 4% so dự toán tính và Hội đồng nhân dân xã quyết định. Nguồn thu này thu đạt rất thấp so dự toán do thực tế phát sinh tại địa phương.

2. Thu chuyển giao ngân sách: 59.582.224.000 đồng, trong đó:

- Bổ sung cân đối ngân sách: 27.583.256.000 đồng.

- Bổ sung có mục tiêu: 31.998.968.000 đồng. Trong đó, ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu đầu năm 2026 để thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội: 4.152.506.000 đồng/16.610.000.000 đồng; ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách xã trong 3 tháng đầu năm 2026 để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong năm như sau: kinh phí phục vụ cho công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2031; Kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng năm 2026; Kinh phí thực hiện kiến thiết thị chính, cây xanh, chiếu sáng công cộng cho các xã, phường (nhóm 2 - Đô thị loại III); Kinh phí thực hiện duy tu, sửa chữa các công trình cho các xã, phường (nhóm 2).

3. Thu chuyển nguồn: 18.126.358.463 đồng

4. Thu kết dư ngân sách: 0 đồng

## **II. KẾT QUẢ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

Trong 3 tháng đầu năm 2026, ngân sách xã đã thực hiện các nhiệm vụ chi trong dự toán được giao, ưu tiên thực hiện chính sách an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh, giáo dục - đào tạo và thực hiện các nhiệm vụ phát sinh đột xuất.

Tổng chi ngân sách xã: **32.741.076.572 đồng**, đạt 23,37% so với dự toán được giao (140.103.000.000 đồng), cụ thể như sau:

**1. Chi đầu tư phát triển:** trong 3 tháng đầu năm 2026, xã Nhuận Phú Tân chưa thực hiện giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản, đang triển khai thực hiện các bước theo quy trình theo quy định.

## **2. Chi thường xuyên**

Tổng chi: 32.741.076.572 đồng/134.633.000.000 đồng (bao gồm chi thực hiện các chính sách an sinh xã hội), đạt 24% so dự toán được giao, trong đó:

- Chi quốc phòng: 310.699.094 đồng/1.369.000.000 đồng, đạt 23% so dự toán được giao.
- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội: 450.000.000 đồng/2.331.000.000 đồng, đạt 19% so dự toán được giao.
- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 16.638.489.483 đồng/78.268.000.000 đồng, đạt 21% so dự toán được giao.
- Chi sự nghiệp y tế: 869.883.300 đồng/1.450.000.000 đồng (bao gồm bảo hiểm y tế các đối tượng bảo trợ xã hội, các đối tượng tham gia kháng chiến), đạt 60% so dự toán được giao. Nguyên nhân chi cao so với dự toán được giao do trong năm do ngân sách tỉnh bổ sung kinh phí chi mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng ưu đãi người có công trên địa bàn xã.
- Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin: 3 tháng đầu năm 2026 chưa phát sinh chi.
- Chi sự nghiệp phát thanh: 3 tháng đầu năm 2026 chưa phát sinh chi.
- Chi sự nghiệp thể dục, thể thao: 3 tháng đầu năm 2026 chưa phát sinh chi.
- Chi sự nghiệp môi trường: 3 tháng đầu năm 2026 chưa phát sinh chi.
- Chi các hoạt động kinh tế: 20.367.363 đồng/4.172.000.000 đồng, trong 3 tháng đầu năm 2026 phát sinh chi tiền điện thấp sáng các tuyến đường trên địa bàn xã.
- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể: 5.637.057.532 đồng/29.210.432.939 đồng, đạt 19% so dự toán được giao.
- Chi bảo đảm xã hội: 8.814.579.800 đồng/16.165.000.000 đồng, đạt 55% so dự toán. Nguyên nhân chi cao so với dự toán được giao do trong năm do ngân sách tỉnh bổ sung kinh phí chi trả các chế độ cho các đối tượng ưu đãi người có công trên địa bàn xã.

## **III. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH XÃ**

**1. Nguồn kinh phí dự phòng ngân sách xã phân bổ đầu năm 2026:** 2.470.000.000 đồng.

**2. Nguồn kinh phí dự phòng bổ sung từ nguồn 30% tăng thu ngân sách xã năm 2025 và dự toán chi còn lại của ngân sách xã năm 2025 chuyển sang năm 2026:** 1.000.000.000 đồng (từ nguồn 30% tăng thu ngân sách xã năm 2025



chuyển sang năm 2026: 500.000.000 đồng, dự toán chi còn lại của ngân sách xã năm 2025 chuyển sang năm 2026: 500.000.000 đồng).

Tổng nguồn dự phòng ngân sách xã năm 2026 (1+2): 3.470.000.000 đồng.

Trong quý I năm 2026, Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân chưa sử dụng nguồn dự phòng ngân sách xã.

#### **IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SỬ DỤNG NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG**

**1. Nguồn cải cách tiền lương tại ngân sách cấp xã (10% tiết kiệm hoạt động thường xuyên đầu năm 2026):** 1.932.000.000 đồng; ngày 04/02/2026, Ủy ban nhân dân xã Nhuận Phú Tân đã sử dụng chi giải quyết chế độ, chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ (đợt 1 năm 2026) với tổng số tiền 707.721.219 đồng (trường Mầm non Khánh Thạnh Tân 218.836.800 đồng, trường Tiểu học và Trung học cơ sở Võ Thị Giàu 488.884.419 đồng); còn lại 1.224.278.781 đồng

**2. Nguồn cải cách tiền lương từ dự toán năm 2025 chuyển sang năm 2026: 5.499.064.224 đồng, cụ thể như sau:**

- Dự toán nguồn cải cách tiền lương còn lại năm 2025 chuyển sang năm 2026: 621 đồng.

- Nguồn cải cách tiền lương từ giảm biên chế SN giáo dục năm 2025 so với năm 2024: 192.192.000 đồng.

- 70% tăng thu ngân sách địa phương năm 2025 dành tạo nguồn CCTL năm 2026: 4.552.571.696 đồng.

- Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương từ 30% tăng thu NSDP năm 2025 còn lại: 165.890.288 đồng.

- Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương từ dự toán chi còn lại ngân sách xã năm 2025 (bao gồm hoàn trả nguồn CCTL do xã NPT cũ còn nợ 644.398 đồng): 588.409.619 đồng.

Tổng nguồn cải cách tiền lương còn lại tính đến ngày 15/3/2026, nguồn cải cách tiền lương tại cấp ngân sách xã: 6.723.343.005 đồng.

#### **V. KẾT QUẢ PHÂN BỐ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO DỰ TOÁN, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI NĂM 2025 CHUYỂN SANG NĂM 2026**

Ngày 06/3/2026, Ủy ban nhân dân xã phê duyệt chi chuyển nguồn ngân sách xã năm 2025 sang năm 2026 đối với tăng thu ngân sách địa phương thực hiện so với dự toán năm 2025, các nội dung chi chuyển nguồn ngân sách xã theo quy định và dự toán chi còn lại của ngân sách xã năm 2025 với số tiền 18.126.358.463 đồng tại Công văn số 793/UBND-KT, cụ thể như sau:

- Chuyển nguồn ngân sách năm 2025 sang năm 2026 đối với tăng thu ngân sách địa phương thực hiện so với dự toán năm 2025: 6.503.673.851 đồng

*(Kèm theo Phương án chuyển nguồn)*

- Chuyển nguồn ngân sách năm 2025 sang năm 2026 đối với các nội dung chi chuyển nguồn ngân sách xã theo quy định: 7.534.274.993 đồng.

(Kèm theo bảng tổng hợp)

- Chuyển nguồn ngân sách năm 2025 sang năm 2026 đối với dự toán chi còn lại của ngân sách xã năm 2025: 4.088.409.619 đồng.

(Kèm theo Phương án chuyển nguồn)

## **V. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

Trong 3 tháng đầu năm 2026, cả hệ thống chính trị trên địa bàn xã Nhuận Phú Tân đã tập trung thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể đạt và vượt Nghị quyết năm 2026, trong đó có chỉ tiêu thu chi ngân sách. Công tác quản lý, điều hành thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã có chuyển biến tích cực; thu ngân sách nhà nước một số chỉ tiêu vượt dự toán được giao; công tác quản lý chi ngân sách được thực hiện chặt chẽ, theo quy trình, đúng nguyên tắc, chế độ hiện hành. Ưu tiên thực hiện chính sách an sinh xã hội; quốc phòng, an ninh, giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi cũng còn những khó khăn, hạn chế nhất định như hạn mặn ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của người dân nhưng xã luôn được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo kịp thời của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và các Sở ngành tỉnh, sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Đảng ủy; sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ toàn hệ thống chính trị các cấp đã nỗ lực cùng xã trong thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2026 đạt kết quả khả quan.

Trong điều hành quản lý chi ngân sách, Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, quản lý chặt chẽ tài chính - ngân sách, ưu tiên thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, giáo dục và đào tạo, tập trung thực hiện các nhiệm vụ cần thiết. Ngoài ra, ngay từ đầu năm 2026, khi phân bổ dự toán Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện giữ lại 10% tiết kiệm hoạt động thường xuyên thực hiện cải cách tiền lương và 10% tiết kiệm hoạt động thường xuyên thực hiện chính sách an sinh xã hội theo quy định với số tiền 3.864.000.000 đồng.

Trên đây là Thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã Nhuận Phú Tân 3 tháng đầu năm 2026./.



**TỔNG HỢP SỐ LIỆU CHUYỂN NGUỒN DỰ TOÁN NĂM 2025 SANG NĂM 2026 XÃ NHUẬN PHÚ TÂN  
ĐỐI VỚI CÁC NỘI DUNG THEO QUY ĐỊNH**

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Đơn vị/Nội dung	Tổng cộng	Số dư tại thời điểm 31/12 được chuyển sang năm sau			Ghi chú
			Số dư dự toán	Số dư tạm ứng	Cam kết chi	
<b>I</b>	<b>Chương trình MTQG XD NTM và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (theo quy định tại Mục 9 Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội)</b>	<b>966.531.708</b>	<b>966.531.708</b>	-	-	
<b>1.1</b>	<b>Chương trình MTQG XD NTM (Chuyển nguồn tại các đơn vị)</b>	<b>447.890.848</b>	<b>447.890.848</b>	-	-	
<b>a</b>	<b>Vốn Ngân sách Trung ương</b>	<b>270.110.000</b>	<b>270.110.000</b>	-	-	
-	Phòng Kinh tế (Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; nâng cao năng lực truyền thông xây dựng nông thôn mới; thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới; Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, tuyên truyền; triển khai phong trào "cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới) - Mã CT MTQG 10502	35.110.000	35.110.000	-	-	
-	Phòng Văn hóa - Xã hội (Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, XD nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm bảo đảm bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới: chỉ thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong XD nông thôn mới, hướng tới NTM thông minh) - Mã CT MTQG 10498	75.000.000	75.000.000			



STT	Đơn vị/Nội dung	Tổng cộng	Số dư tại thời điểm 31/12 được chuyển sang năm sau			Ghi chú
			Số dư dự toán	Số dư tạm ứng	Cam kết chi	
-	Phòng Văn hóa - Xã hội (Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch nông thôn: Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở - Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, ấp và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, ấp) - Mã CT MTQG 10496	160.000.000	160.000.000			
<b>b</b>	<b>Vốn Ngân sách Tỉnh</b>	<b>177.780.848</b>	<b>177.780.848</b>	-	-	
-	Phòng Kinh tế (Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, XD nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm bảo đảm bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; chi thực hiện chương trình chuyển đổi số trong XD nông thôn mới, hướng tới NTM thông minh) - Mã CT MTQG 20498	30.000.000	30.000.000	-	-	
	Phòng Kinh tế (Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; nâng cao năng lực truyền thông xây dựng nông thôn mới; thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới: Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng) - Mã CT MTQG 20502	102.780.848	102.780.848			

STT	Đơn vị/Nội dung	Tổng cộng	Số dư tại thời điểm 31/12 được chuyển sang năm sau			Ghi chú
			Số dư dự toán	Số dư tạm ứng	Cam kết chi	
-	Phòng Văn hóa - Xã hội (Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, XD nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm bảo đảm bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; chi thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong XD nông thôn mới, hướng tới NTM thông minh) - Mã CT MTQG 20498	45.000.000	45.000.000	-	-	
1.2	<b>Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (chuyển nguồn tại đơn vị)</b>	<b>518.640.860</b>	<b>518.640.860</b>	-	-	
a	<b>Vốn ngân sách Trung ương</b>	<b>518.640.860</b>	<b>518.640.860</b>			
-	Phòng Kinh tế - Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin - Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều - Mã CT MTQG: 10476	136.000.000	136.000.000			
-	Phòng Kinh tế - Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình - Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình - Mã CT MTQG: 10477	146.070.000	146.070.000			
-	Phòng Kinh tế - Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình - Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá - Mã CT MTQG: 10477	236.570.860	236.570.860			
b	<b>Vốn ngân sách Tỉnh</b>	-	-			
II	<b>Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương; nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội</b>	<b>272.237.621</b>	<b>272.237.621</b>	-	-	
1	<b>Chính sách phát triển giáo dục mầm non Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/09/2020 của Chính phủ: hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi</b>	<b>3.845.000</b>	<b>3.845.000</b>	-	-	chuyển nguồn tại cấp ngân sách do đơn vị hủy dự toán
	Trường MN KTT	1.125.000	1.125.000			
	Trường MN NPT	2.720.000	2.720.000			
2	<b>Chính sách giáo dục: Hỗ trợ chi phí học tập; cấp bù miễn, giảm học phí)</b>	<b>6.000.000</b>	<b>6.000.000</b>	-	-	
-	Hỗ trợ chi phí học tập	6.000.000	6.000.000	-	-	chuyển nguồn tại cấp ngân sách

STT	Đơn vị/Nội dung	Tổng cộng	Số dư tại thời điểm 31/12 được chuyển sang năm sau			Ghi chú
			Số dư dự toán	Số dư tạm ứng	Cam kết chi	
+	Trường MN NPT	600.000	600.000			
+	Trường TH và THCS Võ Thị Giàu	1.200.000	1.200.000			
+	Tồn tại cấp ngân sách	4.200.000	4.200.000			
-	Kinh phí cấp bù tiền miễn học phí	-		-	-	
-	Kinh phí cấp bù tiền giảm học phí	-		-	-	
3	<b>Chế độ phụ cấp:</b> Dân quân cơ động làm nhiệm vụ thường trực ở cấp xã được hưởng chế độ tiền ăn bằng 0,1 mức lương cơ sở hiện hành/người thực hiện trực/một ngày đêm và hưởng theo số ngày đêm trực thực tế theo NQ số 28/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Bến Tre	70.200.000	70.200.000			chuyển nguồn tại cấp ngân sách
4	<b>Nguồn cải cách tiền lương ngân sách cấp xã</b>	192.192.621	192.192.621	-	-	Chuyển nguồn tại cấp ngân sách
<b>III</b>	<b>Nguồn giao tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>2.454.852.464</b>	<b>2.454.852.464</b>	-	-	Đơn vị đã chuyển dự toán
1	Trường THCS Nguyễn Văn Xiếu	433.294.832	433.294.832	-	-	
2	Trường THCS Nguyễn Văn Bánh	28.344.944	28.344.944	-	-	
3	Trường TH và THCS Võ Thị Giàu	-	-	-	-	
4	Trường TH Nhuận Phú Tân 1	398.789.891	398.789.891			
5	Trường TH Nhuận Phú Tân 2	8.106.345	8.106.345			
6	Trường TH Khánh Thạnh Tân 1	676.627.460	676.627.460			
7	Trường TH Khánh Thạnh Tân 2	121.333.189	121.333.189	-	-	
8	Trường MN Tân Thanh Tây	3.787.482	3.787.482	-	-	
9	Trường MN Khánh Thạnh Tân	159.638.151	159.638.151	-	-	
10	Trường MN Nhuận Phú Tân	463.838.574	463.838.574	-	-	
11	Văn phòng HĐND và UBND xã	114.255.078	114.255.078			
12	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	27.311.000	27.311.000			
13	Văn phòng Đảng ủy xã	19.525.518	19.525.518			
<b>IV</b>	<b>Các khoản dự toán bổ sung sau 30/9/2025</b>	<b>3.779.227.700</b>	<b>3.779.227.700</b>	-	-	các đơn vị đã chuyển dự toán
1	<b>Trường MN Tân Thanh Tây</b>	<b>300.160.000</b>	<b>300.160.000</b>			
-	Kinh phí lát gạch vỉa hè và lợp mái che sân trường điểm chính	300.000.000	300.000.000			
-	Chính sách giáo dục: cấp bù miễn học phí	160.000	160.000			

STT	Đơn vị/Nội dung	Tổng cộng	Số dư tại thời điểm 31/12 được chuyển sang năm sau			Ghi chú
			Số dư dự toán	Số dư tạm ứng	Cam kết chi	
2	<b>Trường TH Nhuận Phú Tân 1</b> (kinh phí sửa nhà vệ sinh học sinh Điểm chính áp Giồng Chùa: son, lát nền, thay bồn cầu hư hỏng)	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>			
3	<b>Phòng Kinh tế</b>	<b>2.249.786.000</b>	<b>2.249.786.000</b>			
-	Kinh phí lập quy hoạch chung nông thôn xã Nhuận Phú Tân	2.000.000.000	2.000.000.000			
-	Kinh phí lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025	149.786.000	149.786.000			
-	Chi đầu tư phát triển	100.000.000	100.000.000			
+	Xây dựng cầu Kinh (trên đường ĐX.02 liên xã Khánh Thạnh Tân - Tân Bình cũ), xã Nhuận Phú Tân - 8174714	30.000.000	30.000.000			
+	Đường ĐC. 06 (đoạn 2) (đoạn từ ĐN.11 - ĐC.06), xã Nhuận Phú Tân - 8174715	30.000.000	30.000.000			
+	Xây dựng Bến phà tạm tại Bến phà cũ (chờ khi kêu gọi đầu tư Bến phà mới theo quy hoạch) - 8174716	40.000.000	40.000.000			
4	<b>Phòng Văn hóa - Xã hội</b>	<b>1.029.281.700</b>	<b>1.029.281.700</b>			
-	Chính sách hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 của Chính phủ; Nghị định 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024: Bảo hiểm y tế các đối tượng bảo trợ xã hội	16.818.400	16.818.400			
-	Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách	3.750.000	3.750.000			
-	Trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định 176/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025	1.008.713.300	1.008.713.300			
V	<b>Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>	<b>61.425.500</b>	<b>61.425.500</b>			Phòng VH - XH đã chuyển dự toán
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7.534.274.993</b>	<b>7.534.274.993</b>	-	-	

Bằng chữ: Bảy tỷ năm trăm ba mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn chín trăm chín mươi ba đồng.



**PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NGUỒN DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025  
SANG NĂM 2026 THỰC HIỆN**

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.088.409.619</b>	
1	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách trong phạm vi quy định	500.000.000	
2	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương	588.409.619	<i>bao gồm trả nguồn cải cách tiền lương do xã Nhuận Phú Tân cũ còn nợ nguồn thực hiện cải cách tiền lương 644.398 đồng</i>
3	Tăng chi đầu tư một số dự án quan trọng, như sau:	2.000.000.000	
-	Xây dựng cầu Kinh (trên đường ĐX.02 liên xã Khánh Thạnh Tân - Tân Bình cũ), xã Nhuận Phú Tân	1.200.000.000	
-	Xây dựng Bến phà tạm tại Bến phà cũ (chờ khi kêu gọi đầu tư Bến phà mới theo quy hoạch)	700.000.000	
-	Đường ĐC.06 (đoạn 2) (đoạn từ ĐN.11 - ĐC.06), xã Nhuận Phú Tân	100.000.000	
4	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội (phân bổ chi tiết khi có phát sinh thực tế)	1.000.000.000	

*Số tiền bằng chữ: Bốn tỷ không trăm tám mươi tám triệu bốn trăm lẻ chín ngàn sáu trăm mười chín đồng*



**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ SỐ TĂNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025  
SANG NĂM 2026 THỰC HIỆN**

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
	<b>Tăng thu ngân sách địa phương so với dự toán năm 2025</b>	<b>6.503.673.851</b>	
<b>I</b>	<b>70% tăng thu NSDP năm 2025 dành để tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2026</b>	<b>4.552.571.696</b>	
<b>II</b>	<b>Phân bổ 30% tăng thu NSDP năm 2025 còn lại, cụ thể như sau:</b>	<b>1.951.102.155</b>	
1	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách trong phạm vi quy định	500.000.000	
2	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương	165.890.288	
3	Tăng chi đầu tư một số dự án quan trọng, như sau:	700.000.000	
-	Xây dựng cầu Kinh (trên đường ĐX.02 liên xã Khánh Thạnh Tân - Tân Bình cũ), xã Nhuận Phú Tân	300.000.000	
-	Xây dựng Bến phà tạm tại Bến phà cũ (chờ khi kêu gọi đầu tư Bến phà mới theo quy hoạch)	300.000.000	
-	Đường ĐC.06 (đoạn 2) (đoạn từ ĐN.11 - ĐC.06), xã Nhuận Phú Tân	100.000.000	
4	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội (phân bổ chi tiết khi có phát sinh thực tế)	585.211.867	

*Tổng số tiền bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm lẻ ba triệu sáu trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm năm mươi một đồng*